**ĐỀ 02 – BÀI KIỂM TRA 1 TIẾT SỐ 1 – CHƯƠNG 1 + 2 – HÓA 12**

**Câu 1.** Este nào sau đây có khả năng tham gia phản ứng trùng hợp để tạo thủy tinh hữu cơ ?

 **◯ A.** Propyl axetat. **◯ B.** Vinyl axetat. **◯ C.** Metyl metacrylat. **◯ D.** Etyl axetat.

**Câu 2:** Công thức nào sau đây có thể là công thức của chất béo ?

 **◯ A.** C15H31COOCH3. **◯ B.** (C17H33COO)2C2H4. **◯ C.** (C16H33COO)3C3H5. **◯ D.** (C15H31COO)3C3H5.

**Câu 3.** Saccarozơ và fructozơ đều thuộc loại

 **◯ A.** cacbohiđrat **◯ B.** polisaccarit. **◯ C.** đisaccarit. **◯ D.** monosaccarit.

**Câu 4.** Este nào sau đây có công thức cấu tạo CH3COOC6H5?

 **◯ A.** Benzyl axetat. **◯ B.** Phenyl axetat. **◯ C.** Vinyl axetat. **◯ D.** Etyl acrylat.

**Câu 5:** Axit nào sau đây là axit béo không no?

 **◯ A.** Axit stearic. **◯ B.** Axit axetic. **◯ C.** Axit acrylic. **◯ D.** Axit oleic

**Câu 6.** Số nguyên tử oxi trong phân tử glucozơ là

 **◯ A.** 12.        **◯ B.** 6.        **◯ C.** 5.        **◯ D.** 10

**Câu 7.** Xà phòng hóa hoàn toàn este có có công thức hóa học CH3COOC2H5 trong dung dich KOH đun nóng, thu được sản phẩm gồm

 **◯ A.** CH3COOK và C2H5OH. **◯ B.** CH3COOK và C2H5OH.

 **◯ C.** C2H5COOK và CH3OH. **◯ D.** HCOOK và C3H7OH.

**Câu 8:** Khi thuỷ phân tristearin trong môi trường axit ta thu được sản phẩm là

 **◯ A.** C15H31COONa và etanol. **◯ B.** C17H35COOH và glixerol.

 **◯ C.** C17H33COOH và glixerol. **◯ D.** C17H35COONa và glixerol.

**Câu 9:** Một phân tử saccarozơ có

 **◯ A.** một gốc β–glucozơ và một gốc α–fructozơ. **◯ B.** một gốc β–glucozơ và một gốc β–fructozơ.

 **◯ C.** hai gốc α–glucozơ. **◯ D.** một gốc α–glucozơ và một gốc β–fructozơ.

**Câu 10:** Chất nào sau đây **không** hòa tan Cu(OH)2 ở nhiệt độ phòng?

 **◯ A.** xenlulozơ. **◯ B.** dung dịch axit fomic.

 **◯ C.** dung dịch glucozơ. **◯ D.** dung dịch saccarozơ.

**Câu 11.** Một este có công thức phân tử C3H6O2 có khả năng tham gia phản ứng tráng bạc . Tên este đó là

 **◯ A.** etyl axetat. **◯ B.** etyl fomat. **◯ C.** metyl axetat. **◯ D.** metyl fomiat.

**Câu 12:** Khử glucozơ bằng H2 để tạo sobitol. Khối lượng glucozơ dùng để tạo ra 1,82 gam sobitol với hiệu suất 80% là bao nhiêu?

 **◯ A.** 14,4 gam. **◯ B.** 22,5 gam. **◯ C.** 2,25 gam. **◯ D.** 1,44 gam.

**Câu 13:** Chọn phát biểu sai?

 **◯ A.** Phân biệt glucozơ và saccarozơ bằng phản ứng tráng gương.

 **◯ B.** Phân biệt hồ tinh bột và xenlulozơ bằng I2.

 **◯ C.** Phân biệt saccarozơ và glixerol bằng Cu(OH)2.

 **◯ D.** Phân biệt fructozơ và saccarozơ bằng phản ứng tráng gương.

**Câu 14:** Đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp gồm 2 este no, đơn chức kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng, thu được 4,48 lít CO2 (đktc) và m gam H2O. Giá trị của m là

 **◯ A.** 3,6. **◯ B.** 1,8. **◯ C.** 2,7. **◯ D.** 5,4.

**Câu 15:** Khi thuỷ phân CH2=CHOCOCH3 trong dung dịch NaOH thu được sản phẩm là:

 **◯ A.** CH3CH2OH và HCOONa. **◯ B.** CH3CHO và CH3COONa.

 **◯ C.** CH3CH2OH và CH3COONa. **◯ D.** CH3OH và CH2=CHCOONa.

**Câu 16:** Khối lượng glucozơ cần dùng để điều chế 1 lít dung dịch ancol (rượu) etylic 40o (khối lượng riêng 0,8 g/ml) với hiệu suất 80% là

 **◯ A.** 626,09 gam. **◯ B.** 782,61 gam. **◯ C.** 305,27 gam. **◯ D.** 1565,22 gam.

**Câu 17:** Polisaccarit X là chất rắn, ở dạng bột vô định hình, màu trắng và được tạo thành trong cây xanh nhờ quá trình quang hợp. Thủy phân X, thu được monosaccarit Y. Phát biểu nào sau đây đúng?

 **◯ A.** Y tác dụng với H2 tạo sobitol. **◯ B.** X có phản ứng tráng bạc

 **◯ C.** Phân tử khối của Y là 162.        **◯ D.** X dễ tan trong nước lạnh.

**Câu 18:** Cho 18,5 gam este đơn chức tác dụng vừa đủ với 500 ml dung dịch KOH 0,5M. Công thức của este là

 **◯ A.** HCOOCH3. **◯ B.** CH3COOC3H7. **◯ C.** HCOOC2H5. **◯ D.** CH3COOC2H5.

**Câu 19:** Khi đun hỗn hợp gồm axit stearic, axit oleic với glixerol. Số triglixerit tối đa thu được là

 **◯ A.** 4. **◯ B.** 6. **◯ C.** 3. **◯ D.** 9.

**Câu 20:** Thể tích dung dịch HNO3 67,5% (khối lượng riêng 1,5 g/ml) cần dùng để tác dụng với xenlulozơ tạo thành 178,2 kg xenlulozơ trinitrat là (biết lượng HNO3 bị hao hụt 20%)

 **◯ A.** 98 lít. **◯ B.** 140 lít. **◯ C.** 162 lít. **◯ D.** 110 lít.

**Câu 21:** Cho các thí nghiệm sau:

 (1) Glucozơ + Br2 + H2O (2) Fructozơ + H2 (xt Ni, to)

 (3) Fructozơ + AgNO3/NH3 (to) (4) Glucozơ + AgNO3/NH3 (to)

 (5) Fructozơ + Br2 + H2O (6) Dung dịch Saccarozơ + Cu(OH)2

 Có bao nhiêu phản ứng xảy ra?

 **◯ A.** 3. **◯ B.** 4. **◯ C.** 2. **◯ D.** 5.

**Câu 22.** Cho m gam hỗn hợp X gồm axit fomic và metyl fomat (có tỉ lệ mol 1 : 1) tác dụng với lượng dư AgNO3 trong môi trường NH3, thu được 43,2 gam kim loại Ag. Phần trăm khối lượng của metyl fomat có trong hỗn hợp X là

 **◯ A.** 56,6%. **◯ B.** 43,4%. **◯ C.** 50%. **◯ D.** 39,47%.

**Câu 23:** Số đồng phân este tối đa của este có CTPT C4H6O2 là:

 **◯ A.** 4 **◯ B.** 3 **◯ C.** 6 **◯ D.** 5

**Câu 24:** Cho m gam hỗn hợp gồm glucozơ và fructozơ tác dụng với dung dịch AgNO3/NH3 dư tạo ra 6,48 gam Ag. Cũng m gam hỗn hợp này tác dụng hết với 1,2 gam Br2 trong dung dịch. Phần % về số mol của glucozơ trong hỗn hợp là?

 **◯ A.** 25% **◯ B.** 50% **◯ C.** 12,5% **◯ D.** 40%

**Câu 25:** Cho các phát biểu sau:

 (a) Hiđro hoá hoàn toàn glucozơ tạo ra axit gluconic.

 (b) Phản ứng thuỷ phân xenlulozơ xảy ra được trong dạ dày của động vật ăn cỏ.

 (c) Xenlulozơ trinitrat là nguyên liệu để sản xuất tơ nhân tạo.

 (d) Saccarozơ bị hoá đen trong H2SO4 đặc.

 (e) Trong công nghiệp dược phẩm, saccarozơ được dùng để pha chế thuốc.

 Trong các phát biểu trên, số phát biểu đúng là

 **◯ A.** 3. **◯ B.** 2. **◯ C.** 4. **◯ D.** 5.

**Câu 26:** Đun nóng 0,1 mol este đơn chức X với 135 ml NaOH 1M. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, cô cạn dung dịch thu được ancol etylic và 8,2 g chất rắn khan. Công thức cấu tạo của X:

 **◯ A.** HCOOC2H5. **◯ B.** HCOOCH3. **◯ C.** CH3COOC2H5. **◯ D.** C2H3COOC2H5

**Câu 27:** Cho sơ đồ chuyển hóa sau :

 

 Các chất A, B, C, D, E trong sơ đồ lần lượt là:

 **◯ A.** C2H5OH, CH3CHO, CH3COONH4, CH3COOH, CH3COOC2H5

 **◯ B.** C2H5OH, CH3COOH, CH3CHO, CH3COO-C2H5

 **◯ C.** CH3CHO, C2H5OH, CH3COOH, CH3COOC2H5

 **◯ D.** CH3COOH, CH3CHO, C2H5OH, CH3COOC2H5

**Câu 28:** Lên men m gam glucozơ với hiệu suất 90%, lượng khí CO2 sinh ra hấp thụ hết vào dung dịch nước vôi trong, thu được 10 gam kết tủa;. Khối lượng dung dịch sau phản ứng giảm 3,4 gam so với khối lượng dung dịch nước vôi trong ban đầu. Giá trị của m là

 **◯ A.** 20,0. **◯ B.** 13,5. **◯ C.** 15,0. **◯ D.** 30,0.

**Câu 29:** Đốt cháy hoàn toàn m gam một este X đơn chức, không no (phân tử có một liên kết đôi C=C), mạch hở cần vừa đủ 0,405 mol O2, thu được 15,84 gam CO2. Mặt khác, m gam X tác dụng vừa đủ với dung dịch KOH, cô cạn dung dịch thu được x gam muối khan và 3,96 gam một chất hữu cơ. Giá trị của x là

 **◯ A.** 8,82. **◯ B.** 7,38. **◯ C.** 7,56. **◯ D.** 7,74.

**Câu 30:** Đốt cháy hoàn toàn a gam triglixerit X cần vừa đủ 3,26 mol O2, thu được 2,28 mol CO2 và 39,6 gam H2O. Mặt kháC. thủy phân hoàn toàn a gam X trong dung dịch NaOH, đun nóng, thu được dung dịch chứa b gam muối. Giá trị của b là

 **◯ A.** 35,60. **◯ B.** 40,40. **◯ C.** 36,72. **◯ D.** 31,92.